TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/**2026/ HNGĐ - ST
Ngày: **05/5/2026**
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi
Bà Phạm Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên toà: ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2025/TLST – HNGĐ ngày 27/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/03/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/04/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Tố U, sinh 2004; Căn cước công dân số: 0373040027xxcấp ngày 29/4/2021; địa chỉ cư trú: thôn T, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đinh Đức T, sinh 1998. Căn cước công dân số: 0370980005xx cấp ngày 25/9/2022; địa chỉ cư trú: tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị U, chị U có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt anh T lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Tố U trình bày:*

Chị và anh Đinh Đức T kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ vào ngày 20/02/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh T tại tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, không thương yêu vợ con, không chịu khó làm ăn, khi chị nhắc nhở thì bạo

lực về thể xác, tinh thần với chị; mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải rất nhiều lần nhưng không có kết quả.

Do không chịu đựng được nên tháng 3 năm 2025 chị đã về nhà mẹ đẻ sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T chỉ có một con chung là Đinh Trâm A, sinh ngày 12/09/2023; hiện cháu đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về con riêng: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Đinh Đức T:* Anh T có mặt tại địa phương, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của BLTTDS và các văn bản tố tụng khác cho anh T nhưng anh T không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị U. Tại biên bản sự việc ngày 09/12/2025 khi Tòa án đến làm việc thì anh T không có mặt ở nhà, Tòa án đã liên lạc qua điện thoại với anh T thì anh cho biết anh đang đi làm không về làm việc với Tòa án được, Tòa án cứ căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, công việc của anh không có thời gian đến Tòa án làm việc. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 10/4/2026, anh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ và ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 05/5/2026.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị U có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Tố U. Xử chị Phạm Tố U được ly hôn với anh Đinh Đức T.

- Về con chung: Giao chị Phạm Tố U trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Trâm A, sinh ngày 12/09/2023, anh Đinh Đức T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng

nuôi con chung cho chị U.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Phạm Tố U phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Tố U yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Đinh Đức T có địa chỉ cư trú tại: tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Đinh Đức T là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh T cố tình không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Tố U và bị đơn anh Đinh Đức T. Chị U có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Tố U và anh Đinh Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2023 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ (nay là UBND phường Đ, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị U và anh T sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị U thì nguyên nhân chính là do anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm yêu thương vợ con, khi được chị khuyên nhủ thì bạo lực về thể xác, tinh thần với chị sự việc kéo dài mặc dù hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhưng không có kết quả, dẫn đến việc chị về nhà mẹ đẻ sống ly thân anh T từ tháng 3 năm 2025.

Về phía anh T đã nhận được thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến, quan điểm về yêu cầu giải quyết việc ly hôn anh mà chị U đưa ra; không tham gia hòa giải do Tòa án thực hiện có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân.

Tại biên bản xác minh ngày 04/03/2026, đại diện chính quyền địa phương

cung cấp: anh T và chị U kết hôn hợp pháp và về sinh sống cùng nhà bố mẹ anh T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc hai vợ chồng không còn sống chung, chị U bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn T, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được.

Từ những căn cứ trên có đủ căn cứ xác định do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh T không giải quyết được, dẫn đến việc vợ chồng không thương yêu quý trọng chăm sóc nhau và đã sống ly thân; Quá trình giải quyết từ hòa giải tại Tòa án cũng như trong quá trình chuẩn bị xét xử anh T không có ý kiến, quan điểm về yêu cầu giải quyết việc ly hôn anh mà chị U đưa ra; không tham gia hòa giải do Tòa án thực hiện có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng khắc phục, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Tố U cần chấp nhận, cho chị U được ly hôn với anh Đinh Đức T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, con riêng:

Về con chung: Chị Phạm Tố U và anh Đinh Đức T chỉ có một con chung là cháu Đinh Trâm A, sinh ngày 12/09/2023. Khi ly hôn chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; còn anh T không có ý kiến về việc này. Thực tế cháu Trâm A là con gái chưa đủ 36 tháng tuổi; do đó theo quy định của pháp luật việc giao cháu Trâm A cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U cung cấp chứng cứ xác định thu nhập hàng tháng của chị trên 8 triệu đồng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Mặc dù đã được giải thích nhưng U giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Do vậy vấn đề này Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó về việc nuôi con chung cần giao cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu Đinh Trâm A , sinh ngày 12/09/2023 anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị U là đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Phạm Tố U và anh Đinh Đức T và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị U và anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Phạm Tố U và anh Đinh Đức T không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Tố U và anh Đinh Đức T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Tố U phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C Phạm Tố U về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đinh Đức T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị C Phạm Tố U được ly hôn anh Đinh Đức T.

3. Về con chung, con riêng:

Về con chung: Giao cháu Đinh Trâm A, sinh ngày 12/09/2023 cho chị Phạm Tố U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn đến khi con thành niên. Anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị U.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, muôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, muôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Phạm Tố U và anh Đinh Đức T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Tố U và anh Đinh Đức T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Tố U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003198 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Phạm Tố U, anh Đinh Đức T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh